TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54 /2026/HS-ST
Ngày: 14 -05-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Ông Nguyễn Văn Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Hiến, ông Nguyễn Xuân Đồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Khiết, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 5, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Chinh, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 05 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm: Phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân Khu vực 5, tỉnh Bắc Ninh và điểm cầu thành phần: Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2026/TLST-HS ngày 17 tháng 04 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 53/2026/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 04 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: Chung Văn L, sinh ngày 01 tháng 03 năm 1993; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Cao lan; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Chung Văn S, sinh năm 1965 và bà: Dương Thị T, sinh năm 1968; Có vợ: Lục Thị T1, sinh năm 1994 và Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2020; Anh, chị em ruột: Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/02/2026, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh B. (Có mặt tại phiên tòa).

** Bị hại:* Tô Văn A, sinh năm 1986. (Vắng mặt).

- Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Hoàng Văn T2, sinh năm 1991. (Vắng mặt).

- *Trú tại:* Thôn P, xã B, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi chiều ngày 18/02/2026, anh Tô Văn A, sinh năm 1996, trú tại thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh đến sân bóng thôn Đ để tham gia đá bóng, có để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Promax, màu vàng (mua tháng 01/2026 với giá 32.725.014 đồng) trong 01 túi nilong màu đen ở vị trí gần gôn bóng phía nhà văn hóa của thôn.

Khoảng 15 giờ ngày 18/02/2026, Chung Văn L, sinh năm năm 1993, trú tại thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh đi đến sân bóng của thôn để xem đá bóng. Lành ngồi ở vị trí gần gôn bóng phía nhà văn hóa thì thấy chiếc điện thoại di động do anh A để ở đó, L đã lấy chiếc điện trên rồi đi đến cửa hàng điện thoại di động Quang H, có địa chỉ tại thôn P, xã B, tỉnh Bắc Ninh, do anh Hoàng Văn T2 sinh năm 1991, làm chủ cầm (cắm) được 2.000.000 đồng sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Sau khi phát hiện chiếc điện thoại bị mất, anh Tô Văn A đã có đơn trình báo gửi Công an xã Đ

Ngày 20/02/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B mời Chung Văn L đến Công an xã Đ làm việc thì Chung Văn L xin đầu thú về hành vi trộm cắp chiếc điện thoại trên. Căn cứ lời khai của Chung Văn L, Cơ quan điều tra tiến hành xác minh và làm việc với anh Hoàng Văn T2, anh T2 đã giao nộp chiếc điện thoại do L mang đến cắm, kèm theo 01 giấy mua bán điện thoại.

Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra ma túy trong nước tiểu đối với Chung Văn L, kết quả Dương tính với H1.

Tại kết luận định giá tài sản số 02 ngày 24/02/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự xã Đ, xác định *"01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 16 promax, màu vàng, bộ nhớ trong 256Gb, có số IMEI 3552655127746964, sản xuất và lắp ráp tại Trung Quốc, mua mới vào tháng 01/2026 với giá 32.725.014 đồng tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 18/02/2026 trị giá 25.000.000 đồng (Hai mươi năm triệu đồng)".*

Về xử lý vật chứng, tài sản: Ngày 03/3/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho anh Tô Văn A chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, loại 16 promax, bộ nhớ trong 256Gb, màu vàng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Tô Văn A đã nhận lại tài sản; Bị cáo Chung Văn L đã trả cho anh Hoàng Văn T2 số tiền 2.000.000 đồng.

* Từ những nội dung nêu trên, bản Cáo trạng số 09A/CT-VKS ngày 15 tháng 04 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, Bắc Ninh đã truy tố bị cáo Chung Văn L về tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại khoản 1, Điều 173-Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

* Tại phiên tòa, bị cáo Chung Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Kết luận điều tra và Cáo trạng đã truy tố. Bị hại, người liên quan vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của bị hại, người liên quan vắng mặt. Bị cáo không có ý kiến gì về lời khai của những người này.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, tỉnh Bắc Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Chung Văn L, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38 - Bộ luật Hình sự; Điều 136, Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Chung Văn L từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 20/02/2026). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: Miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo không tranh luận gì đối với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Thực hiện lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy người bị hại, người liên quan đều triệu tập hợp lệ, có lời khai trong hồ sơ vụ án, không có ý kiến hay yêu cầu gì, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292-Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này.

[3] Về những chứng cứ xác định bị cáo có tội và áp dụng pháp luật hình sự với bị cáo: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 18/02/2026, Chung Văn L, sinh năm 1993, trú tại thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh đến sân bóng của thôn để xem bóng đá. Lợi dụng anh Tô Văn A, sinh năm 1996, trú cùng thôn đi đá bóng để chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 16 promax, màu vàng, bộ nhớ trong 256Gb, trị giá 25.000.000 đồng ở ngoài sân bóng gần cầu gôn phía nhà văn hóa, L đã trộm cắp chiếc điện thoại trên đem cầm cố được 2.000.000 đồng chi tiêu cá nhân hết. Hành vi của bị cáo đủ yếu

tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1, Điều 173-Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, tỉnh Bắc Ninh truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1, Điều 173-Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[4] Về tính chất của vụ án: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về nhân thân bị cáo thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú, tự nguyện trả số tiền 2.000.000 đồng cho anh Hoàng Văn T2, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, thấy rằng bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51-Bộ luật Hình sự. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ, cần chấp nhận.

[8] Về hình phạt: Sau khi xem xét toàn bộ nội dung vị án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng HĐXX xét thấy bị cáo là đối tượng sử dụng ma túy, lười lao động, để có tiền chi tiêu, bị cáo đã cố ý trộm cắp tài sản của người khác, bị cáo thực hiện hành vi một cách táo bạo, liều lĩnh, ở chỗ đông người. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có công việc ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Tô Văn A đã nhận được lại được tài sản, bị cáo tự nguyện trả số tiền 2.000.000 đồng cho anh Hoàng Văn T2, bị hại và người liên quan anh Hoàng Văn T2 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[11] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã ra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại cho anh Tô Văn A chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, loại 16 promax, bộ nhớ trong 256Gb, màu vàng là có căn cứ nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[12] Về các vấn đề khác:

Đối với anh Hoàng Văn T2 là người nhận cầm cố chiếc điện thoại do L đem đến nhưng không biết là tài sản phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh T2 là có căn cứ nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với người bán ma túy cho Chung Văn L: Bị cáo Chung Văn L khai trước đó đã sử dụng ma túy loại Heroine, nguồn gốc ma túy mua của một người không quen biết nên không có căn cứ để xử lý người bán ma túy cho Chung Văn L, khi nào xác định được người bán ma túy cho Chung Văn L sẽ xử lý bằng vụ án khác.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Chung Văn L: Qua điều tra xác định Chung Văn L không thuộc trường hợp xử lý theo quy định tại Điều 256a Bộ luật Hình sự, ngày 27/02/2026, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPHC đối với Chung Văn L về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy", hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng là có căn cứ nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[12] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo là phù hợp với Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm b, i, s, khoản 1 và khoản 2, Điều 51; Điều 38 - Bộ luật Hình sự; Điều 331, Điều 333- Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về trách nhiệm hình sự: Xử phạt bị cáo Chung Văn L 01 (một) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 20/02/2026). Không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Chung Văn L.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 – Bắc Ninh;
- Phòng hồ sơn Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng THSDS khu vực 5 - Bắc Ninh;
- UBND xã Đèo Gia, tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hiếu